



xián

賢

virtuous, worthy, able

Common Words

xián huì

贤惠

virtuous

shèng xián

圣贤

Sage / saint

xiān xián cí

先贤祠

temple of former sages

Trace each stroke, then write the character on your own.

賢

賢

収

賢

収

賢

賢

賢

賢

賢

賢